

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**
Số: 1256 /EVNCHP-TCKT
“V/v: Công bố BCTC 6 tháng
năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM

- 1. Tên tổ chức:** Công ty cổ phần Thủy điện Miền Trung
+ Mã chứng khoán: CHP
+ Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, P. An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
+ Điện Thoại: 0236 2.210.571 Fax: 0236.3 935.960.
+ Email: evnchp.tckt@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Thủy điện Miền Trung xin trân trọng thông báo đến Quý cơ quan và Cổ đông của công ty Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 đã soát xét (kèm bản giải trình biến động LNST so với cùng kỳ 2023) theo file đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/08/2024 tại đường dẫn: <https://chp.vn/QuanHeCoDong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: *vt*

- Như trên;
- Lưu P1; P5.



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ QUÝ ANH TUẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1257/EVNCHP-TCKT

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận
sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 so
với cùng kỳ năm 2023

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (EVNCHP)

Mã chứng khoán: CHP

**Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, P. An Hải Bắc, Quận Sơn Trà,
Thành phố Đà Nẵng.**

Điện Thoại: 0236 2210.571

Fax: 0236.3935960.

**Công ty cổ phần thủy điện miền Trung xin giải trình chênh lệch chỉ tiêu lợi nhuận
sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 như sau:**

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	395.222.128.878	289.939.557.054	(105.282.571.824)	-26,64%
Chi phí	250.880.417.063	214.435.010.242	(36.445.406.821)	-14,5%
Tổng LNST	137.027.977.671	71.364.078.467	(65.663.899.204)	-47,92%

Về doanh thu:

Nhà máy A Lưới: trong 6 tháng đầu năm 2024 thời tiết nắng nóng kéo dài, lưu lượng nước về hồ thấp, bình quân khoảng 9,44 m³/s, thấp hơn so với lưu lượng trung bình nhiều năm (12,24 m³/s) và lưu lượng tính toán kế hoạch (10,84 m³/s). Do đó tổng sản lượng điện sản xuất đạt 158 triệu kWh, bằng 58% cùng kỳ năm 2023.

Nhà máy ĐMT Cù Jút: trong 6 tháng đầu năm bức xạ cao hơn so với thiết kế (đạt ~ 103%), thiết bị Nhà máy vận hành ổn định, theo đó sản lượng điện sản xuất 6 tháng đầu năm đạt 47 triệu kWh, bằng 107% cùng kỳ năm 2023.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 tổng doanh thu của EVNCHP đạt 289 tỷ đồng giảm 26,64% tương ứng 105,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Về chi phí:

Chi phí lãi vay giảm hơn 16,5 tỷ đồng và các khoản thuế tài nguyên, phí môi trường rừng cũng giảm tương ứng theo sản lượng điện thương phẩm nên tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2024 của EVNCHP giảm 14,5% (tương ứng 36,5 tỷ đồng) so với 6 tháng đầu năm 2023.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, tổng lợi nhuận sau thuế của CHP đạt 71,3 tỷ đồng. Giảm 47,92%, tương ứng 65,67 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng ./.

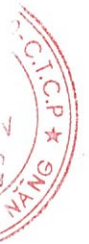
Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu P1; P5.



TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ QUÝ ANH TUẤN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

9 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Thuyết	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Lâm Xuân Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Lê Quý Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Pa Sa	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Nguyễn Đức An	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Trưởng ban
Ông Phạm Viết Thiên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Quý Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Hoàn Kiếm	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lê Quý Anh Tuấn, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



Lê Quý Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Số: 342/2024/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần tại báo cáo soát xét số 879/BCSX-AAC ngày 25/07/2023 và báo cáo kiểm toán số 172/2024/BCKT-AAC ngày 04/03/2024.



Trần Thị Như Phương
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		501.070.348.948	572.564.359.212
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	280.637.665.944	113.250.882.968
1. Tiền	111		75.637.665.944	10.250.882.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		205.000.000.000	103.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	30.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	30.000.000.000	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.594.559.969	423.667.839.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	178.896.026.892	419.443.662.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	3.636.927.783	3.196.028.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.061.605.294	1.028.148.560
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	5.064.937.574	4.979.737.614
1. Hàng tồn kho	141		5.064.937.574	4.979.737.614
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		773.185.461	665.898.963
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	773.185.461	665.898.963
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.272.327.132.585	2.394.666.755.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		124.615.660	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	124.615.660	-
II. Tài sản cố định	220		2.235.999.973.333	2.348.117.371.531
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.235.758.445.762	2.347.771.511.472
Nguyên giá	222		4.457.557.368.255	4.457.341.376.655
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.221.798.922.493)	(2.109.569.865.183)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	241.527.571	345.860.059
Nguyên giá	228		1.442.464.674	1.442.464.674
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.200.937.103)	(1.096.604.615)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.543.846.494	416.016.476
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	2.543.846.494	416.016.476
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.658.697.098	46.133.367.132
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	15.714.268.167	27.679.632.758
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		17.944.428.931	18.453.734.374
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.773.397.481.533	2.967.231.114.351

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		778.153.121.922	1.028.712.833.207
I. Nợ ngắn hạn	310		286.808.344.167	433.121.421.760
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	22.154.297.227	24.939.786.391
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	304.615.660	180.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	9.036.903.777	38.943.766.733
4. Phải trả người lao động	314		5.700.625.036	6.237.207.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	3.541.136.700	4.395.407.691
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	31.456.098.452	149.611.928.437
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	208.796.267.372	208.796.267.372
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.818.399.943	17.057.953
II. Nợ dài hạn	330		491.344.777.755	595.591.411.447
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	491.344.777.755	595.591.411.447
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.995.244.359.611	1.938.518.281.144
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	1.995.244.359.611	1.938.518.281.144
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.469.126.680.000	1.469.126.680.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.469.126.680.000	1.469.126.680.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.643.379.202	87.643.379.202
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		33.018.948.676	33.018.948.676
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		405.455.351.733	348.729.273.266
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		334.091.273.266	129.304.539.567
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71.364.078.467	219.424.733.699
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.773.397.481.533	2.967.231.114.351



Lê Quý Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Thế Nhật
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Hiền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	287.229.367.790	388.427.990.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		287.229.367.790	388.427.990.621
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	168.162.039.360	187.585.340.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		119.067.328.430	200.842.649.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.709.355.930	6.324.668.594
7. Chi phí tài chính	22	5.4	29.812.077.602	45.758.593.058
Trong đó, chi phí lãi vay	23		29.807.963.902	45.758.518.481
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	16.446.266.405	17.506.485.328
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.518.340.353	143.902.240.152
11. Thu nhập khác	31	5.6	833.334	469.469.663
12. Chi phí khác	32	5.7	14.626.875	29.998.000
13. Lợi nhuận khác	40		(13.793.541)	439.471.663
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.504.546.812	144.341.711.815
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	4.140.468.345	7.313.734.144
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.364.078.467	137.027.977.671
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	486	892
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	486	892



Lê Quý Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Thế Nhật
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Hiền
Người lập

CÔNG TY THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.504.546.812	144.341.711.815
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		112.333.389.798	112.414.525.773
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(36.026.890)	74.577
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.672.861.165)	(6.391.513.660)
Chi phí lãi vay	06		29.807.963.902	45.758.518.481
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		214.937.012.457	296.123.316.986
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		239.546.239.425	136.739.395.967
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		424.105.483	(366.381.523)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(25.255.624.998)	(37.318.949.786)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		11.858.078.093	15.289.654.305
Tiền lãi vay đã trả	14		(30.581.896.771)	(44.553.070.135)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.196.682.961)	(14.398.398.269)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.836.658.010)	(7.814.609.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		388.894.572.718	343.700.957.867
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.351.435.618)	(483.794.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	66.845.066
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.075.285.778	6.427.654.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(276.149.840)	26.010.705.738
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(104.246.633.692)	(104.246.633.692)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(117.021.033.100)	(140.013.520.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(221.267.666.792)	(244.260.154.392)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		167.350.756.086	125.451.509.213
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		113.250.882.968	251.256.101.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		36.026.890	(74.577)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		280.637.665.944	376.707.536.138



Lê Quý Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Thế Nhật
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Hiền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thủy điện miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở Hợp đồng số 5852CP/ĐL2-ĐL3-XLĐ1-ĐLHN/2004 ngày 30/11/2004 giữa 4 đơn vị: Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực Hà Nội (nay là Tổng Công ty Điện lực Hà Nội, góp 20% vốn điều lệ), Công ty Xây lắp Điện 1 (góp 20% vốn điều lệ). Đến ngày 24/11/2005, Đại hội đồng cổ đông đã chấp nhận cho Công ty Xây lắp Điện 1 rút khỏi tư cách cổ đông sáng lập theo Nghị Quyết số 01/2005-CP/ĐHĐCĐSL, đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trở thành cổ đông sáng lập từ ngày 18/03/2006 theo Nghị Quyết số 01/2006-CP/ĐHĐCĐSL (góp 20% vốn điều lệ). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000503 ngày 13 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0400477830) và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 04 năm 2023.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 330/QĐ-SGDHCM ngày 10/08/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán CHP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/09/2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.469.126.680.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 125 (31 tháng 12 năm 2023 là: 125).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất điện. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, nhà máy năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây lắp công trình đường dây, trạm biến thế điện; Xây lắp công trình điện năng lượng mặt trời, điện năng lượng gió;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối điện;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: Trồng rừng (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình điện, tư vấn quản lý dự án các công trình thủy điện, nhà máy điện năng lượng mặt trời, nhà máy điện năng lượng gió;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn và thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng; Tư vấn giám sát xây dựng công trình ngầm; Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình năng lượng; Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; Tư vấn, giám sát thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây và trạm biến áp, công trình nhà máy điện năng lượng mặt trời, nhà máy điện năng lượng gió; Tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông đường bộ; Tư vấn công tác lựa chọn nhà thầu;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tư vấn thiết kế, thẩm tra, thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông đường bộ, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tư vấn giám sát: Dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông đường bộ, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng; Kinh doanh dịch vụ đo đạc; Hoạt động thăm dò địa chất;

- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính. Chi tiết: Kinh doanh chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC);
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét long hồ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 02 chi nhánh như sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Thủy điện A Lưới – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Nhà máy Điện mặt trời Cư Jút – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Thị trấn Ea T'Ling, huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2024</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
▪ Tài sản cố định khác	05 – 06 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2024</u>
▪ Phần mềm máy vi tính	03 – 05 năm
▪ Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm sức khỏe,...) được phân bổ theo thời hạn hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay dự trả. Cơ sở ước tính dựa vào gốc vay và lãi suất theo hợp đồng vay.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (chi phí công tác, đào tạo...).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2012 đến năm 2026); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2016 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2017 đến năm 2025;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Điện Mặt trời Cù – Jút, Tỉnh Đắk Nông áp dụng mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2019 đến năm 2033); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2023 đến 2031;
- Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh điện thương phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10% (Công ty được áp dụng mức thuế suất 8% từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ);
- Các hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Tiền thuê đất

- Tiền thuê đất tại nhà máy Thủy điện A Lưới: Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo Quy định tại điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ và theo Quyết định số 6980/QĐ-CT ngày 12 tháng 08 năm 2019 của Cục thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Tiền thuê đất tại Nhà máy Điện mặt trời Cù Jút: Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo Quy định tại điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ và theo Quyết định số 608/QĐ-CT ngày 03 tháng 06 năm 2019 của Cục thuế Tỉnh Đắk Nông.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Xem thêm mục 7 trên Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt		178.574.000		147.015.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		75.459.091.944		10.103.867.968
VND		73.803.529.548		8.146.195.791
USD	65.469,56 #	1.654.612.190	81.188,89 #	1.956.652.249
EUR	35,47 #	950.206	38,53 #	1.019.928
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		205.000.000.000		103.000.000.000
Cộng		280.637.665.944		113.250.882.968

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 12 tháng	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	178.845.534.745	419.408.697.845
Các đối tượng khác	50.492.147	34.965.112
Cộng	178.896.026.892	419.443.662.957
Trong đó: phải thu khách hàng là bên liên quan		
- Xem thêm mục 8	178.845.534.745	419.408.697.845

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty CP Công nghiệp Đại Dương	1.960.618.000	1.960.618.000
Công ty CP Xây lắp Sông Tiên	1.220.887.407	974.589.446
Các đối tượng khác	455.422.376	260.820.704
Cộng	3.636.927.783	3.196.028.150

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Lãi dự thu	790.780.866	-	193.205.479	-
Tạm ứng	795.996.000	-	175.785.000	-
Phải thu khác	474.828.428	-	659.158.081	-
Cộng	2.061.605.294	-	1.028.148.560	-
Dài hạn:				
Ký quỹ bảo lãnh	124.615.660	-	-	-
Cộng	124.615.660	-	-	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.504.205.697	-	4.480.650.899	-
Công cụ, dụng cụ	438.793.465	-	438.376.215	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.938.412	-	60.710.500	-
Cộng	5.064.937.574	-	4.979.737.614	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm máy móc thiết bị, con người	745.722.325	421.092.372
Chi phí thuê kênh (Viettel)	-	216.096.010
Chi phí khác	27.463.136	28.710.581
Cộng	773.185.461	665.898.963
Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.655.605.100	2.486.342.961
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	10.854.794.398	20.882.013.515
Chi phí thuê đất (*)	826.327.389	847.606.203
Chi phí khác	2.377.541.280	3.463.670.079
Cộng	15.714.268.167	27.679.632.758

(*) Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng từ ngày 14/7/2005 đến ngày 21/9/2043 (39 năm) với diện tích 4.000 m² để xây dựng Văn phòng làm việc theo Hợp đồng số 44/HĐ-TLĐ ngày 14/7/2005 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung và Công ty TNHH Massda Land.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiên trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dân VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	2.061.616.149.256	2.381.673.195.213	8.509.368.410	3.682.184.786	1.860.478.990	4.457.341.376.655
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	215.991.600	-	-	215.991.600
Tại ngày 30/06/2024	2.061.616.149.256	2.381.673.195.213	8.725.360.010	3.682.184.786	1.860.478.990	4.457.557.368.255
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	785.962.864.373	1.314.471.585.708	4.719.148.557	2.714.714.142	1.701.552.403	2.109.569.865.183
Khấu hao trong kỳ	37.236.128.640	74.340.561.885	280.878.267	235.265.730	136.222.788	112.229.057.310
Tại ngày 30/06/2024	823.198.993.013	1.388.812.147.593	5.000.026.824	2.949.979.872	1.837.775.191	2.221.798.922.493
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	1.275.653.284.883	1.067.201.609.505	3.790.219.853	967.470.644	158.926.587	2.347.771.511.472
Tại ngày 30/06/2024	1.238.417.156.243	992.861.047.620	3.725.333.186	732.204.914	22.703.799	2.235.758.445.762

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.221.860.421.820 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 34.773.047.056 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phân mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	1.329.464.674	113.000.000	1.442.464.674
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2024	1.329.464.674	113.000.000	1.442.464.674
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	1.009.604.631	86.999.984	1.096.604.615
Khấu hao trong kỳ	91.332.492	12.999.996	104.332.488
Tại ngày 30/06/2024	1.100.937.123	99.999.980	1.200.937.103
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	319.860.043	26.000.016	345.860.059
Tại ngày 30/06/2024	228.527.551	13.000.020	241.527.571

Không có TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 746.739.674VND.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí đầu tư hệ thống máy tính nhà máy A Lưới	416.016.476	416.016.476
Chi phí sửa chữa nút giao thông QL49A và mặt đường vào nhà máy thủy điện A Lưới	1.782.725.077	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	345.104.941	-
Cộng	2.543.846.494	416.016.476

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	17.039.683.687	17.039.683.687	17.039.683.687	17.039.683.687
Các đối tượng khác	5.114.613.540	5.114.613.540	7.900.102.704	7.900.102.704
Cộng	22.154.297.227	22.154.297.227	24.939.786.391	24.939.786.391

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty CP Năng lượng Savina	180.000.000	180.000.000
Công ty CP Đầu tư Điện lực 3	124.615.660	-
Cộng	304.615.660	180.000.000

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	3.207.487.273	22.249.343.807	28.597.101.228	9.555.244.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.740.616.760	4.140.468.345	13.196.682.961	11.796.831.376
Thuế thu nhập cá nhân	71.841.113	2.229.439.640	2.653.119.820	495.521.293
Thuế tài nguyên	2.220.340.551	15.770.148.904	25.911.004.019	12.361.195.666
Các loại thuế, phí khác	796.618.080	9.917.826.535	13.856.182.159	4.734.973.704
Cộng	9.036.903.777	54.307.227.231	84.214.090.187	38.943.766.733

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay dự trả	3.541.136.700	4.315.069.569
Các khoản trích trước khác	-	80.338.122
Cộng	3.541.136.700	4.395.407.691

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ tức phải trả	31.184.615.150	148.205.648.250
Kinh phí công đoàn	141.233.773	-
Phải trả khác	130.249.529	1.406.280.187
Cộng	31.456.098.452	149.611.928.437

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuế tài chính

	Tại ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả: Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	127.503.000.000	127.503.000.000	63.600.000.000	63.600.000.000	127.503.000.000	127.503.000.000
	45.000.000.000	45.000.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
	36.293.267.372	36.293.267.372	18.146.633.692	18.146.633.692	36.293.267.372	36.293.267.372
	208.796.267.372	208.796.267.372	104.246.633.692	104.246.633.692	208.796.267.372	208.796.267.372
Cộng						
Dài hạn: Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	63.908.490.334	63.908.490.334	-	63.600.000.000	127.508.490.334	127.508.490.334
	258.750.000.000	258.750.000.000	-	22.500.000.000	281.250.000.000	281.250.000.000
	168.686.287.421	168.686.287.421	-	18.146.633.692	186.832.921.113	186.832.921.113
	491.344.777.755	491.344.777.755	-	86.100.000.000	595.591.411.447	595.591.411.447
Cộng						

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vay dài hạn các Ngân hàng theo từng hợp đồng cụ thể:

Ngân hàng	Hợp đồng		Hạn mức vay (VND)	Mục đích vay	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo	Lãi suất
	Số	Ngày					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị	Hợp đồng số 06/2008/HĐTĐĐT - NHPT và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung	15/09/2008	1.656.091.000.000	Đầu tư dự án Thủy điện A Lưới	204 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/12/2008)	Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của Dự án thủy điện A Lưới, Huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	Lãi suất 8,4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên	01/2018/1174177 9/HĐTĐ	01/11/2018	450.000.000.000	Tài trợ các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc thực hiện Dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Jút tại Thị trấn ea Tling huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	144 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên	Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Cư Jút	Lãi suất vay được điều chỉnh 06 tháng/lần theo lãi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bình quân lãi trả sau cho khách hàng cá nhân của 4 Ngân hàng Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank công biên độ 3%/năm. Công ty làm việc và được BIDV giảm lãi biên độ 2,5%/năm cho thời hạn 6 tháng kể từ ngày 01/02/2024. Lãi suất vay tại thời điểm 30/06/2024 là 7,3%/năm.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	27/2018/HĐTĐ/TT KHDNL MN2/01	01/11/2018	400.000.000.000	Thực hiện tạm ứng, thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư xây dựng Dự án "Nhà máy điện mặt trời Cư Jút" tại Thị trấn ea Tling huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Cư Jút	Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất bình quân huy động tiết kiệm cá nhân bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của các ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại ngày xác định lãi suất tương ứng công biên độ 3,5%/năm. Công ty làm việc và được TP Bank giảm lãi suất còn 3%/năm, áp dụng 1 năm. Lãi suất vay tại thời điểm 30/06/2024 là 7,68%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	1.469.126.680.000	87.643.379.202	33.018.948.676	407.388.341.967	1.997.177.349.845
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	137.027.977.671	137.027.977.671
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(13.641.000.000)	(13.641.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(264.442.802.400)	(264.442.802.400)
Tại ngày 30/06/2023	1.469.126.680.000	87.643.379.202	33.018.948.676	266.332.517.238	1.856.121.525.116
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	199.926.890.428	199.926.890.428
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	-	(117.530.134.400)	(117.530.134.400)
Tại ngày 01/01/2024	1.469.126.680.000	87.643.379.202	33.018.948.676	348.729.273.266	1.938.518.281.144
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	71.364.078.467	71.364.078.467
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(14.638.000.000)	(14.638.000.000)
Tại ngày 30/06/2024	1.469.126.680.000	87.643.379.202	33.018.948.676	405.455.351.733	1.995.244.359.611

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-CHP-HĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	337.459.970.000	337.459.970.000
Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH	337.459.980.000	337.459.980.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	356.227.040.000	355.744.040.000
Các Cổ đông khác	437.979.690.000	438.462.690.000
Cộng	1.469.126.680.000	1.469.126.680.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	1.469.126.680.000	1.469.126.680.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06	1.469.126.680.000	1.469.126.680.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	146.912.668	146.912.668
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	146.912.668	146.912.668
Bao gồm: <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	146.912.668	146.912.668
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Bao gồm: <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	146.912.668	146.912.668
Bao gồm: <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	146.912.668	146.912.668
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.364.078.467	137.027.977.671
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ người quản lý Công ty	-	5.952.772.098
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	71.364.078.467	131.075.205.573
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	146.912.668	146.912.668
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	486	892

4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.364.078.467	137.027.977.671
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ người quản lý Công ty	-	5.952.772.098
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	71.364.078.467	131.075.205.573
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	146.912.668	146.912.668
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	146.912.668	146.912.668
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	486	892

Lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ người quản lý Công ty thực tế của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-CHP-HĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 phân bổ cho 6 tháng đầu năm theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này là toàn bộ lợi nhuận sau thuế do Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ người quản lý Công ty.

4.17.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-CHP-HĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023 bao gồm cổ tức 25%/vốn điều lệ (trong đó đã tạm ứng 8% cổ tức trong năm 2023).

Theo Quyết định số 684/QĐ-EVNCHP-HĐQT ngày 12/07/2024 của Công ty về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức còn lại của năm 2023, tỷ lệ cổ tức chi trả bằng tiền 17%, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền trả cổ tức là ngày 05/09/2024 và ngày thanh toán cổ tức là ngày 25/09/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2024	87.643.379.202	33.018.948.676
Trích trong kỳ	-	-
Chi trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2024	87.643.379.202	33.018.948.676

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
+ USD	65.469,56	81.188,89
+ EUR	35,47	38,53

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	285.261.064.448	387.991.576.821
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn	-	436.413.800
Doanh thu khác	1.968.303.342	-
	287.229.367.790	388.427.990.621
Trong đó, doanh thu với bên liên quan - xem thêm mục 8	284.975.869.723	387.740.243.399

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn điện thương phẩm	168.162.039.360	187.368.234.411
Giá vốn dịch vụ tư vấn	-	217.106.266
Cộng	168.162.039.360	187.585.340.677

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	2.672.861.165	6.324.668.594
Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	467.875	-
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	36.026.890	-
Cộng	2.709.355.930	6.324.668.594

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	29.807.963.902	45.758.518.481
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	74.577
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	4.113.700	-
Cộng	29.812.077.602	45.758.593.058

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.576.611.365	10.494.722.257
Chi phí khấu hao TSCĐ	361.840.658	375.718.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.106.142.864	1.919.174.138
Chi phí bằng tiền khác	4.401.671.518	4.716.870.283
Cộng	16.446.266.405	17.506.485.328

5.6. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền phạt thu được	-	118.320.466
Tiền bảo hiểm bồi thường	-	53.261.167
Lãi thanh lý TSCĐ	-	66.845.066
Thu nhập khác	833.334	231.042.964
Cộng	833.334	469.469.663

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đầu giá tài sản, vật tư thiết bị	14.626.875	-
Chi phí khác	-	29.998.000
Cộng	14.626.875	29.998.000

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.178.032.059	928.778.058
Chi phí nhân công	21.479.850.409	21.704.765.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.333.389.798	112.414.525.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.361.547.237	4.384.743.057
Chi phí khác	46.255.486.262	65.511.332.045
- Thuế tài nguyên	15.770.148.904	25.396.034.780
- Phí môi trường rừng	5.658.044.544	9.748.202.220
- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	4.236.061.000	4.236.061.000
- Chi phí phân bổ	13.159.889.895	17.177.685.814
- Chi phí khác	7.431.341.919	8.953.348.231
Cộng	184.608.305.765	204.944.144.920

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.504.546.812	144.341.711.815
- Lợi nhuận của hoạt động SXKD nhà máy A Lưới	34.744.129.956	124.651.833.589
- Lợi nhuận của hoạt động SXKD nhà máy Cư Jút	38.704.407.589	19.218.693.245
- Lợi nhuận của hoạt động khác	2.056.009.267	471.184.981
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.119.780.572	517.075.777
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.119.780.572	517.075.777
- Tại nhà máy A Lưới	847.029.121	406.109.117
- Tại nhà máy Cư Jút	267.080.882	110.186.545
- Các hoạt động khác	5.670.569	780.115
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	76.624.327.384	144.858.787.592
- Thu nhập tính thuế của nhà máy A Lưới	35.591.159.077	125.057.942.706
- Thu nhập tính thuế của nhà máy Cư Jút	38.971.488.471	19.328.879.791
- Thu nhập tính thuế của hoạt động khác	2.061.679.836	471.965.096
Chi phí thuế TNDN	7.868.600.722	14.533.075.269
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động SXKD nhà máy A Lưới	3.559.115.908	12.505.794.271
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động SXKD nhà máy Cư Jút	3.897.148.847	1.932.887.979
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	412.335.967	94.393.019
Trừ: Thuê TNDN được miễn giảm của hoạt động kinh doanh được ưu đãi	3.728.132.377	7.219.341.125
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	4.140.468.345	7.313.734.144

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	104.246.633.692	104.246.633.692
Cộng	104.246.633.692	104.246.633.692

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực khu vực địa lý như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Huyện A Lưới;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Huyện Cư Jút;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024:

	Văn phòng		Huyện A Lưới		Huyện Cự Jút		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	-	436.413.800	180.116.408.066	290.653.497.835	107.112.959.724	97.338.078.986	287.229.367.790	388.427.990.621
Cộng	-	436.413.800	180.116.408.066	290.653.497.835	107.112.959.724	97.338.078.986	287.229.367.790	388.427.990.621
Chi phí kinh doanh								
Giá vốn	-	217.106.266	128.132.064.764	143.609.558.167	42.029.974.596	43.758.676.244	168.162.039.360	187.585.340.677
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	19.669.210	10.313.160.015	13.099.779.929	6.133.106.390	4.387.036.189	16.446.266.405	17.506.485.328
Cộng	-	236.775.476	136.445.224.779	156.709.338.096	48.163.080.986	48.145.712.433	184.608.305.765	205.091.826.005
Kết quả HĐKD	-	199.638.324	43.671.183.287	133.944.159.739	58.949.878.738	49.192.366.553	102.621.062.025	183.336.164.616
Doanh thu hoạt động tài chính	-	7.106.009	1.698.948.964	4.732.632.801	1.010.406.966	1.584.929.784	2.709.355.930	6.324.668.594
Chi phí tài chính	-	84	9.415.487.223	14.258.345.886	20.396.590.379	31.500.247.088	29.812.077.602	45.758.593.058
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	-	206.744.249	35.954.645.028	124.418.446.654	39.563.695.325	19.277.049.249	75.518.340.353	143.902.240.152
Thu nhập thuần khác	-	122.220.466	(13.793.541)	266.990.030	-	50.261.167	(13.793.541)	439.471.663
Lợi nhuận trước thuế TNDN	-	328.964.715	35.940.851.487	124.685.436.684	39.563.695.325	19.327.310.416	75.504.546.812	144.341.711.815
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	65.891.948	2.019.546.003	6.259.629.869	2.120.922.342	988.212.327	4.140.468.345	7.313.734.144
Lợi nhuận sau thuế	-	263.072.767	33.921.305.484	118.425.806.815	37.442.772.983	18.339.098.089	71.364.078.467	137.027.977.671

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Văn phòng		Huyện A Lưới		Huyện Cư Jút		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định hữu hình	4.087.528.592	4.411.369.258	1.422.306.913.730	1.498.054.967.499	809.364.003.440	845.305.174.715	2.235.758.445.762	2.347.771.511.472
Tài sản cố định vô hình	86.351.288	124.351.280	132.845.637	179.678.133	22.330.646	41.830.646	241.527.571	345.860.059
Phải thu khách hàng	-	-	143.724.008.305	394.546.510.065	35.172.018.587	24.897.152.892	178.896.026.892	419.443.662.957
Tài sản không phân bổ							358.501.481.308	199.670.079.863
Tổng tài sản							2.773.397.481.533	2.967.231.114.351

	Văn phòng		Huyện A Lưới		Huyện Cư Jút		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán	3.387.885	1.071.334.598	21.612.330.823	22.692.910.870	538.578.519	1.175.540.923	22.154.297.227	24.939.786.391
Nợ phải trả không phân bổ							755.998.824.695	1.003.773.046.816
Tổng nợ phải trả							778.153.121.922	1.028.712.833.207

	Văn phòng		Huyện A Lưới		Huyện Cư Jút		Tổng cộng	
	Kỳ này 30/06/2024	Kỳ trước 01/01/2024	Kỳ này 30/06/2024	Kỳ trước 01/01/2024	Kỳ này 30/06/2024	Kỳ trước 01/01/2024	Kỳ này 30/06/2024	Kỳ trước 01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản	-	85.000.000	2.127.830.018	9.164.994	223.605.600	389.629.229	2.351.435.618	483.794.223
Chi phí khấu hao	361.840.658	375.718.650	75.794.886.265	75.870.278.395	36.176.662.875	36.168.528.728	112.333.389.798	112.414.525.773

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC)
2. Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)
3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

4. Công ty Mua bán điện
5. Công ty TNHH Năng lượng REE
6. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn Công ty Mua bán điện	178.845.534.745	419.408.697.845
Cộng – Xem thêm mục 4.3	178.845.534.745	419.408.697.845

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty Mua bán điện	284.975.869.723	387.740.243.399
Cộng – Xem thêm mục 5.1	284.975.869.723	387.740.243.399

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả:		
Công ty TNHH Năng lượng REE	28.459.523.200	39.989.762.400
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	26.996.797.600	50.495.196.400
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	26.996.798.400	40.495.197.600

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thù lao, tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Hội đồng Quản trị:

Đối tượng	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Hồ Quốc Việt	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	-	32.864.000
Ông Lê Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)	96.303.600	-
Ông Lâm Xuân Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)	50.240.320	16.432.000
Ông Nguyễn Viết Pa Sa	Thành viên HĐQT	66.665.040	43.608.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	66.665.040	43.608.000
Ông Nguyễn Đức An	Thành viên HĐQT	60.850.640	14.536.000
Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên HĐQT	66.665.040	43.608.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT	66.665.040	43.608.000
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	5.814.400	29.072.000

Ban kiểm soát:

Đối tượng	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Trưởng BKS	66.665.040	43.608.000
Ông Trịnh Quang Việt	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	30.336.000	151.680.000
Ông Phạm Viết Thiên	Thành viên BKS	66.665.040	43.608.000
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên BKS	60.850.640	14.536.000
Ông Nguyễn Đức An	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	5.814.400	29.072.000

Tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát kỳ này bao gồm 20% tiền lương, thù lao tăng thêm của năm 2023 được nhận trong kỳ.

Ban Tổng Giám đốc:

Đối tượng	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Quý Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	222.568.320	260.117.760
Ông Trương Công Giới	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	-	187.516.160
Ông Huỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	196.887.360	249.539.520
Ông Hồ Hoàn Kiếm	Phó Tổng Giám đốc	196.887.360	247.892.160

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Quý Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Thế Nhật
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Hiền
Người lập

THÀNH

)